

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 721/2024/DS-PT

Ngày: 21-8-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

*Các thẩm phán:* Bà Phạm Thị Kim

Bà Mai Thị Mỹ Tiên

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Đức Anh – Thư ký Tòa án, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Mai Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2024/TLPT-DS ngày 12/6/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án Nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2362/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2365/2024/QĐ-PT ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trí D, sinh năm 1983; địa chỉ: Số C, Đường L, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1998 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1999; địa chỉ: Số E H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Phạm Thị Bạch T1 là Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số A, Đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S; địa chỉ: Số F, Đường P, Phường V, Quận C Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1977; địa chỉ: Nhà B, khu dân cư R, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Ý kiến trình bày của nguyên đơn tại Đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2023, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 05/01/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của phía nguyên đơn như sau: Vào ngày 25/4/2023, ông Lê Trí D (Viết tắt là “nguyên đơn”) và Công ty TNHH S (Viết tắt là “bị đơn”) ký Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL đối với Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ làm việc định cư Canada số 16112020/HDFST ký ngày 16/11/2020 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn; theo đó bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn khoản phí dịch vụ với tổng số tiền là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng làm 05 đợt; cụ thể như sau:

- Đợt 1: Hoàn trả 200.000.000 đồng vào tháng 5/2023;
- Đợt 2: Hoàn trả 200.000.000 đồng vào tháng 7/2023;
- Đợt 3: Hoàn trả 200.000.000 đồng vào tháng 9/2023;
- Đợt 4: Hoàn trả 200.000.000 đồng vào tháng 11/2023;
- Đợt 5: Hoàn trả 200.000.000 đồng vào tháng 01/2024.

Ngày thanh toán sẽ linh động từ ngày 05 đến ngày 25 của tháng, tùy theo thời gian mỗi đợt thanh toán. Như vậy, ngày 25 của tháng theo đợt hoàn trả là thời điểm cuối cùng mà bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn liên tục vi phạm nghĩa vụ, cụ thể:

- Thời gian hoàn trả Đợt 1: 2.000.0000.000 đồng vào ngày 27/5/2023.
- Thời gian hoàn trả Đợt 2: vào ngày 27/7/2023 trả 100.000.000 đồng và ngày 28/7/2023 trả 100.000.000 đồng.
- Thời gian hoàn trả Đợt 3: Trả làm 04 (Bốn) lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, vào ngày 29/9/2023, ngày 30/9/2023, ngày 07/10/2023 và ngày 24/11/2023.
- Thời gian hoàn trả Đợt 4: Trả làm 03 (Ba) lần; cụ thể: Ngày 06/12/2023 trả 80.000.000 đồng; ngày 15/12/2023 trả 60.000.000 đồng và ngày 27/12/2023 trả 60.000.000 đồng.

Do bị đơn liên tục vi phạm thỏa thuận nên ngày 03/10/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải: Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hoàn trả Đợt 3 còn lại là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); khoản tiền phạt 1.000.000.000 đồng

(Một tỷ đồng) theo quy định tại Điều 2.1 của Thỏa thuận thanh lý ngày 25/4/2023; chịu khoản tiền lãi chậm trả trên tổng số tiền còn lại chưa hoàn trả và số tiền phạt vi phạm là 1.500.000.000 đồng kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ là ngày 26/9/2023 cho đến khi hoàn trả đầy đủ số tiền này, tạm tính đến ngày khởi kiện là 03/10/2023 thì số tiền lãi chậm trả là 8.465.753 đồng; và giao trả toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến thông tin cá nhân của nguyên đơn mà bị đơn đã thực hiện nhằm phục vụ thủ tục làm việc, định cư tại Canada theo Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ làm việc định cư Canada số 16112020/HDFST ký ngày 16/11/2020.

Ngày 12/10/2023, Tòa án nhân dân Quận 3 đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 347/2023/TLST-DS.

Ngày 05/01/2024, nguyên đơn gửi Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu khởi kiện đến Tòa án; theo đó: Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền Đợt 3 còn lại là 100.000.000 đồng theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2023; nguyên đơn bổ sung các yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBT ngày 25/4/2023; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền Đợt 5 là 200.000.000 đồng; buộc bị đơn chịu khoản tiền lãi chậm trả trên tổng số tiền còn lại chưa hoàn trả và số tiền phạt với lãi suất 20%/năm tiếp tục tính từ ngày 04/10/2023 cho đến khi hoàn trả đầy đủ số tiền này, tạm tính đến ngày bổ sung yêu cầu khởi kiện là ngày 05/01/2024.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBT ngày 25/4/2023; buộc bị đơn chịu khoản tiền lãi chậm trả trên tổng số tiền còn lại chưa hoàn trả và số tiền phạt với lãi suất 20%/năm tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ là ngày 26/9/2023 cho đến khi hoàn trả đầy đủ số tiền này, tạm tính đến ngày bổ sung yêu cầu khởi kiện là ngày 05/01/2024 với số tiền lãi chậm trả là 73.068.493 đồng; buộc bị đơn giao trả toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến thông tin cá nhân của nguyên đơn mà bị đơn đã thực hiện nhằm phục vụ thủ tục làm việc, định cư tại Canada theo Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ làm việc định cư Canada số 16112020/HDFST ký ngày 16/11/2020. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền hoàn trả Đợt 5 là 200.000.000 đồng; chịu khoản phạt 1.000.000.000 đồng theo Điều 2.1 của Thỏa thuận thanh lý ngày 25/4/2023. Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 1.200.000.000 đồng; thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến trình bày của Công ty TNHH S (Viết tắt là “bị đơn”) như sau: Đối với khoản tiền 200.000.000 đồng phải thanh toán Đợt 5 theo thỏa thuận thanh lý hợp đồng được ghi nhận bởi các bên thì thời hạn thanh toán là ngày 25/01/2014. Tuy

nhiên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản tiền này khi chưa đến hạn là không phù hợp; bị đơn không đồng ý khoản thanh toán này. Đối với số tiền lãi suất phát sinh 20%/năm tính từ ngày 04/10/2023 đến ngày 05/01/2023 là 71.178.082 đồng bị đơn cho rằng khoản tiền phạt này đang bị tính sai, vì vậy bị đơn không đồng ý với khoản tiền phạt này. Bị đơn không đồng ý thanh toán khoản tiền phạt 1.000.000.000 đồng vì bị đơn đã phải chịu mức phạt chậm thanh toán là 20%/năm đối với khoản tiền chậm thanh toán. Đối với yêu cầu hoàn trả hồ sơ tài liệu liên quan đã được các bên thực hiện ngay khi thanh lý hợp đồng nên bị đơn không có nghĩa vụ thực hiện lại. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3 quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả một lần cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/4/2024 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023 với mức lãi suất là 20%/năm.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm trả 73.068.493 đồng và giao trả toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến thông tin cá nhân của nguyên đơn mà Bị đơn đã thực hiện nhằm phục vụ thủ tục làm việc, định cư tại Canada theo Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ làm việc định cư Canada số 16112020/HDFST ký ngày 16/11/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/4/2024, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án Nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như sau:* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với kết quả xét xử tại Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án Nhân dân Quận 3. Đây là vụ án dân sự nên giải quyết tranh chấp phải dựa trên quy định của Bộ luật Dân sự, tôn trọng sự thỏa thuận của các bên; theo quy định tại Điều 188 của Bộ luật

Tổ tụng Dân sự thì nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện được đưa ra trước phiên họp công khai chứng cứ, mặt khác quá trình giải quyết vụ án trước khi vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm đến thời hạn thanh toán đợt 5 theo thỏa thuận nhưng bị đơn không thanh toán nên việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu bị đơn khi đến hạn là đúng quy định. Theo Điều 1 của Luật Thương mại thì nội dung tranh chấp của vụ án này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại; do vậy, bị đơn cho rằng áp dụng Luật Thương mại để cho rằng thỏa thuận tại Điều 2.1 của Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023 về số tiền phạt 01 tỷ đồng và lãi suất 20% đối với cùng một hành vi vi phạm chỉ được áp dụng lãi suất theo quy định tại Điều 301 và Điều 306 Luật Thương mại là không đúng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Bộ luật Dân sự không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày ý kiến yêu cầu như sau:*  
Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết sửa Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn có ký Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023 để thanh lý, chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ làm việc định cư Canada số 16112020/HDFST ký ngày 16/11/2020; tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 3 nên phát sinh nghĩa vụ phải trả tiền phạt vi phạm và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Điều 2.1 của Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023; trong thời gian Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án thì bị đơn đã thực hiện thanh toán đủ số tiền đợt 3 và đợt 4; tuy nhiên số tiền phạt vi phạm và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 3 bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bởi lẽ, theo cam kết tại Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023 thì đến ngày 25/01/2024 là thời hạn cuối cùng của đợt 5 bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 05/01/2024, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán đợt 5 trong khi thời hạn thanh toán đợt 5 là hết ngày 25/01/2024. Như vậy, nguyên đơn đưa ra yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền khi chưa đến hạn là chưa đủ điều kiện khởi kiện nên bị đơn không đồng ý với khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu thanh toán đợt 5. Đối với yêu cầu thanh toán tiền phạt 01 tỷ đồng và lãi 20% trên số tiền chậm trả thì bị đơn cũng không đồng ý vì theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao thì cùng một hành vi chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn; mặt khác, đây là tranh chấp thương mại nên áp dụng Điều 301 và Điều 306 của Luật Thương mại thì chỉ áp dụng lãi suất theo thỏa thuận. Từ ngày

26/01/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị đơn chưa thanh toán tiền đợt 5 mà theo thỏa thuận bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đợt 5 số tiền 200.000.000 đồng là do bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực.

*Luật sư - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm pháp lý như sau:* Tại thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì bị đơn đang vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền Đợt 3 nên phát sinh nghĩa vụ chịu phạt vi phạm và trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán và phạt vi phạm. Trong thời gian Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết mặc dù bị đơn đã thanh toán tiền đợt 3 và đợt 4 nhưng chưa thực hiện trả tiền phạt số tiền 01 tỷ đồng và tiền lãi phát sinh, đồng thời đến thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán đợt 3; phía nguyên đơn đưa ra yêu cầu bổ sung bị đơn thanh toán đợt 5 số tiền 200.000.000 đồng và số tiền 01 tỷ đồng và tiền lãi phát sinh từ vi phạm của thanh toán đợt 3 vào ngày 05/01/2024 nhưng tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/01/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định hoãn trên cơ sở đề nghị của các bên đương sự thống nhất hoãn phiên họp do phía bị đơn có ý kiến đến xin được gia hạn thời gian thanh toán đợt 5 chậm nhất vào ngày 30/01/2024. Đến ngày 01/02/2024, quá thời hạn bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán Đợt 5 nên Tòa án cấp sơ thẩm mới tiến hành mở lại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải tại thời điểm này đã phát sinh quyền khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền 200.000.000 đồng mà bị đơn phải thanh toán Đợt 5 theo thỏa thuận; do đó việc nguyên đơn chỉ rút yêu cầu bị đơn thanh toán đợt 3 và tiền lãi; đồng thời, bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán Đợt 5 là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 70, Điều 71 và điểm a khoản 2 Điều 2010 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 418 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, phía bị đơn cho rằng nguyên đơn không có quyền khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền đợt 5 là không có căn cứ. Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dịch vụ không phải là vụ án kinh doanh thương mại như phía bị đơn xác định; việc bị đơn yêu cầu áp dụng khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; Điều 301, Điều 306 của Luật Thương mại là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng các Điều 117, 352, 357, 418 và Điều 422 của Bộ luật Dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:*

+ *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Bị đơn đã thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn theo khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng quy định.

+ *Về nội dung*: Theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật Dân sự và Điều 1, Điều 2 của Luật Thương mại nhận thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án Nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: *Quyền, thời hạn kháng cáo và thẩm quyền giải quyết*: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn và bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án Nhân dân Quận 3 là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn đối với bản án sơ thẩm

[2.1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng*

Xét, phía bị đơn xác định các bên đương sự có ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ làm việc định cư Canada số 16112020/HDFST ký ngày 16/11/2020 và Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023, việc ký hợp đồng dịch vụ tư vấn nêu trên của nguyên đơn không nhằm mục đích kinh doanh phát sinh lợi nhuận; nhưng về phía bị đơn có mục đích kinh doanh nên phải xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại; Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ xác định đây là tranh chấp thương mại; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý giải quyết vụ án dân sự và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ*” là đúng pháp luật.

Xét, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn có lời trình bày thừa nhận bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 3 theo Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023. Ngày 12 tháng 10 năm 2023, Tòa án Nhân dân Quận 3 thụ lý vụ án số 347/TLST-DS đối với Đơn khởi kiện ngày 03/10/2023 theo đó nguyên đơn

nộp yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn hoàn trả Đợt 3 còn lại là 100.000.000 đồng; chịu khoản phạt 1.000.000.000 đồng theo mục 2.1 Điều 2 của Thỏa thuận thanh lý ngày 25/4/2023; chịu khoản tiền lãi chậm trả trên tổng số tiền còn lại chưa hoàn trả và giao trả toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến thông tin cá nhân của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng mà các bên ký kết có nội dung và hình thức phù hợp quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực thi hành.

Theo Điều 2.1 của Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023, có nội dung thể hiện: *“Trường hợp Bên B (Bị đơn) vi phạm nghĩa vụ hoàn trả của bất kỳ đợt hoàn trả nào tại Điều 2 Thỏa thuận này cho Bên A (nguyên đơn) thì Bên B đồng ý chịu một khoản phạt là 1.000.000.000 (Một tỷ) và tiền lãi chậm trả trên tổng số tiền còn lại chưa hoàn trả và tiền phạt tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ hoàn trả của bất kỳ đợt nào cho đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả tiền với lãi suất 20%/năm. Khi đó, Bên A có quyền khởi kiện tranh chấp phát sinh từ hoặc/và liên quan đến Thỏa thuận này đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết”*.

Phía bị đơn thừa nhận, tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của đợt 3 nên phát sinh nghĩa vụ phạt vi phạm số tiền 01 tỷ đồng và lãi suất theo thỏa thuận tại Điều 2.1 của Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023. Trong thời gian Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án thì bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền Đợt 3: Trả 50.000.000 đồng vào ngày 29/9/2023; trả 50.000.000 đồng vào ngày 30/9/2023; trả 50.000.000 đồng vào ngày 07/10/2023 và trả 50.000.000 đồng vào ngày 24/11/2023; và Đợt 4: Trả 80.000.000 đồng vào ngày 06/12/2023, trả 60.000.000 đồng vào ngày 15/12/2023 và trả 60.000.000 đồng vào ngày 27/12/2023.

Xét thấy, ngày 05/01/2024, nguyên đơn có đơn sửa đổi bổ sung theo đó nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền đợt 3, giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại của Đơn khởi kiện ngày 03/10/2023 và bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền của đợt 5 theo Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023; mặc dù tại thời điểm ngày 05/01/2024 nguyên đơn đưa ra yêu cầu bổ sung buộc bị đơn phải thanh toán đợt 5 chưa đến thời hạn (Thời hạn thanh toán theo thỏa thuận hết ngày 25/01/2024) nhưng các nghĩa vụ phát sinh phạt vi phạm và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ phát sinh của Đợt 3 theo Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023 nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu và đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 12/4/2024 vượt quá thời hạn thanh toán tiền đợt 5 nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ nên việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đợt 5 tại thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định



của pháp luật. Bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền đợt 5 chưa đến hạn nên chưa đủ điều kiện khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] *Về áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm*

Xét, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn xác định từ ngày 26/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 12/4/2024) và ngày xét xử phúc thẩm bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng của đợt 5 và số tiền 01 tỷ đồng tiền phạt vi phạm, cùng tiền lãi 20% phát sinh của số tiền chậm thực hiện đợt thanh toán 3 theo Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023. Như vậy, bị đơn cho rằng hết ngày 25/01/2024 nguyên đơn mới có quyền yêu cầu bị đơn thanh toán đợt 5 theo Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023 nhưng ngày 05/01/2024 nguyên đơn đã đưa ra yêu cầu khi chưa đến hạn và bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực để từ chối thực hiện nghĩa vụ trả tiền đợt 5 cho nguyên đơn là không có căn cứ; vì, đến ngày xét xử sơ thẩm đã vượt thời hạn thanh toán đợt 5 nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm Thỏa thuận thanh lý số 25042023 /BBTL ngày 25/4/2023.

Như đã phân tích tại mục [2.1] nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dịch vụ không phải tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên không có căn cứ áp dụng quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao và Điều 301, Điều 306 của Luật Thương mại như yêu cầu của bị đơn vì theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Luật Thương mại 2005 vụ án trên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại. Theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật Dân sự thì bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền phạt vi phạm tại Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023. Tòa án cấp sơ thẩm xác định cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đợt 5 và buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng của Đợt 5 và phạt vi phạm số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng cho nguyên đơn theo Điều 2.1 của Thỏa thuận thanh lý số 25042023/BBTL ngày 25/4/2023 là đúng quy định tại các Điều 352, 257, 418, 422 và 468 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với thỏa thuận của các bên. Trình bày của phía người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và Luật sư – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Các nội dung khác không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Từ các nội dung như đã phân tích và trên cơ sở quy định của pháp luật, xét đề nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc sửa Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án Nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Bị đơn kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH South Westgate & Legal Group

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án Nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; cụ thể:

3. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: 300.000 đồng Công ty TNHH S phải chịu án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0021093 ngày 03/5/2024; Công ty TNHH S đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND Quận 3- Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu (T8/2024).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

2024DSPT37186



1 000125 4592 18

Lê Trí Dũng

24.06.2024 11:11

Nguyễn Thị Minh Phượng